

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 27/02/2020
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Tuyết Nhung;
2. Ông Nguyễn Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Sim - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tinh – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 952/2019/TLST-HNGĐ ngày 06/12/2019, về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 10/02/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hạnh Ng, sinh năm 1998 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 4, xã E, huyện E1, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1990 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 6, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Hiện nay đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện C, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn Chị Nguyễn Thị Hạnh Ng trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn B tự nguyện chung sống với nhau, có tiền hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện E1, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 05/5/2016. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do anh B nghiện ma túy, không chịu làm việc, nợ nần nhiều người. Chị đã cố gắng hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không

được. Nay chị cảm thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án xét xử cho chị được ly hôn anh B.

Về con chung: Chị và anh B có 01 con chung là cháu Nguyễn Văn P, sinh ngày 29/9/2016, hiện nay chị N đang nuôi con. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn B: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án anh B đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ công an huyện Cr, tỉnh Đắk Lắk. Tòa án đã tiến hành ủy thác lấy lời khai của anh B như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh chị chung sống với nhau có tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện E1, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 05/5/2016. Giữa hai vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn không phải do bạo lực gia đình mà là vì anh B nghiện ma túy, chị N đã khuyên giải và động viên anh B đi cai nghiện nhiều lần nhưng anh B không bỏ được ma túy. Nay chị N yêu cầu xin ly hôn với anh thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: Anh và chị N có một con chung là cháu Nguyễn Văn P sinh ngày 29/9/2016, anh đồng ý giao con cho chị N nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản và nợ chung: Anh không yêu cầu tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến nay Hội đồng xét xử, thẩm phán, thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Chị Nguyễn Thị Hạnh Ng. Cho Chị Nguyễn Thị Hạnh Ng được ly hôn với anh Nguyễn Văn B; Giao cho Chị Nguyễn Thị Hạnh Ng trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Văn P, về cấp dưỡng nuôi con chị N không yêu cầu nên không đặt ra xem xét; Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra lại tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn Chị Nguyễn Thị Hạnh Ng yêu cầu xin được ly hôn và nuôi con với bị đơn anh Nguyễn Văn B có nơi cư trú: Thôn 6, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk nên đây là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt các thủ tục tố tụng cho anh B biết và thu thập lời khai của anh B, anh B và chị N đều có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hạnh Ng và anh Nguyễn Văn B tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình duy trì quan hệ hôn nhân chị N và anh B phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do anh B nghiện ma túy, chị N khuyên giải nhiều lần không được. Hiện nay anh B đang bị tạm giam và đã bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk xét xử về tội “Trộm cắp tài sản”. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị N và anh B đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn, cho chị N được ly hôn với anh B là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Điều 56. Ly hôn theo yêu cầu của một bên

1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

.....
Về con chung: Chị N và anh B có 01 con chung là cháu Nguyễn Văn P, sinh ngày 29/9/2016, Chị N có nguyện vọng nuôi cháu Phú và anh B cũng đồng ý giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Xét thấy nguyện vọng của các đương sự là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét.

[4]. Về án phí: Nguyên đơn Chị Nguyễn Thị Hạnh Ng phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Điều 144, Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng: khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Chị Nguyễn Thị Hạnh Ng.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hạnh Ng được ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Văn P, sinh ngày 29/9/2016 cho Chị Nguyễn Thị Hạnh Ng trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn Chị Nguyễn Thị Hạnh Ng phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0005360 ngày 29/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án này được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp.BMT;
- CCTHADS TP. BMT;
- UBND xã E, huyện E1;
- Các đương sự;
- Lưu HS

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Mai